ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1453 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư; Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP);

Theo đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 172/TTr-SNN ngày 15 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác là 107,65 ha, gồm 84,92 ha rừng tự nhiên *(trong đó có 1,75 ha có nguồn gốc rừng phòng hộ; 66,45 ha có nguồn gốc rừng sản xuất và 16,72 ha ngoài quy hoạch ba loại rừng)* và 22,73 ha rừng trồng có nguồn gốc rừng sản xuất.

2. Vị trí rừng chuyển mục đích

a) Tại huyện Tràng Định gồm: các lô 7, 11, 13, 26, 25 Khoảnh 7 Tiểu khu 39; các lô 10, 12, 18, 22, 6, 24, 19, 13, 14, 7, 16, 23, 1, 17, 15 Khoảnh 1, lô 2 Khoảnh 3, các lô 30, 2, 25, 27, 5, 15, 8, 13, 26 Khoảnh 7, các lô 40, 42, 5, 65, 14, 64 Khoảnh 9, các lô 52, 64, 73, 82, 68, 72, 87, 90, 77, 85 Khoảnh 14 Tiểu khu 40, xã Chi Lăng. Các lô 11, 16 Khoảnh 8, các lô 11, 10 Khoảnh 7 Tiểu khu 16, các lô 2, 8, 26, 5, 9, 20, 36 Khoảnh 2, các lô 21, 24, 14, 13, 16, 15, 12, 18, 10, 17, 9, 8 Khoảnh 8, các lô 5, 15, 19, 11, 21, 12 Khoảnh 11 Tiểu khu 28, xã Chí Minh. Các lô 67, 70 Khoảnh 1 Tiểu khu 55, các lô 58, 15, 16, 67, 37, 59, 18, 55, 36, 20, 32, 50, 48, 10, 21, 44, 8, 14, 11, 62, 24, 42, 56, 45, 88, 24, 33, 35, 52, 14a Khoảnh 3 Tiểu khu 55; lô 2 Khoảnh 1 Tiểu khu 56, xã Đề Thám. Lô 15 Khoảnh 3, các lô 24, 34, 35, 21, 50 Khoảnh 4, các lô 24, 25 Khoảnh 9 Tiểu khu 67, các lô 2, 3 Khoảnh 5, các lô 1, 13 Khoảnh 7, các lô 1, 3, 5, 7, 9, 14 Khoảnh 8 Tiểu khu 68, xã Hùng Sơn. Các lô 4, 8, 9, 10, 12, 14 Khoảnh 1 Tiểu khu 79; các lô 1, 2 Khoảnh 1, các lô 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 19 Khoảnh 3, các lô 37, 38 Khoảnh 6 Tiểu khu 86, xã Hùng Việt.

b) Tại huyện Văn Lãng gồm: các lô 15, 20, 21, 22 Khoảnh 7, các lô 26, 18, 15, 4, 6, 9, 11 Khoảnh 8 Tiểu khu 188; các lô 61, 45, 23, 41, 54, 33, 57, 2, 51, 20, 7, 58, 5, 18, 19, 62, 4 Khoảnh 5, các lô 15, 19 Khoảnh 8, các lô 13, 19, 1, 2, 7, 9, 10, 5 Khoảnh 12, các lô 3, 4, 5, 11, 18, 24, 30 Khoảnh 15, các lô 18, 36, 24, 50, 10, 5, 19, 30, 51, 23, 7, 44, 16, 43, 21, 41, 14, 37, 48, 4, 45, 40, 35, 48, 42, 38, 6 Khoảnh 17, các lô 40, 22, 20, 16, 36, 39, 43 Khoảnh 3 Tiểu khu 192; các lô 5, 9, 14 Khoảnh 2, các lô 2, 27, 42, 49, 15, 30, 22, 5, 64 Khoảnh 3, các lô 31, 61, 44, 48, 56, 25, 69, 27, 36, 43, 67, 53, 12, 10 Khoảnh 9, các lô 12, 16, 18, 21, 20, 10, 23, 17, 11, 13, 28, 15 Khoảnh 16 Tiểu khu 199; lô 21 Khoảnh 1, các lô 8, 15, 21, 14, 18, 6, 7, 9, 12, 25, 9, 7 Khoảnh 2 Tiểu khu 181b xã Bắc Việt. Các lô 15, 45, 22, 43, 16, 29, 35, 23, 29 Khoảnh 2, các lô 2, 8, 13, 16 Khoảnh 5, lô 1 Khoảnh 9, các lô 28, 34, 37, 66, 29, 46, 39 Khoảnh 11 Tiểu khu 212, xã Hoàng Việt. Các lô 61, 62 Khoảnh 1, các lô 11, 13, 21, 22 Khoảnh 3, các lô 4, 6 Khoảnh 4, các lô 2, 3, 5, 7, 8, 9, 28, 37 Khoảnh 6, các lô 15, 21 Khoảnh 7, các lô 20, 6, 35, 14, 88, 79, 8, 73, 33, 19, 24, 77, 64, 9 Khoảnh 8, các lô 17, 18, 26 Khoảnh 10, các lô 7, 8 Khoảnh 11 Tiểu khu 219b, xã Tân Mỹ. Các lô 12, 25, 24, 22, 28, 27, 23, 9, 17 Khoảnh 17, lô 42 Khoảnh 18, các lô 4, 5, 9, 8, 18 Khoảnh 19 Tiểu khu 199, thị trấn Na Sầm.

3. Phạm vi, ranh giới, diện tích, loại rừng, nguồn gốc rừng và các số liệu hiện trạng rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: theo diện tích, hiện trạng rừng tại Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác kèm theo Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023.

(Chi tiết vị trí, lô, khoảnh diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác tại Phụ lục I, II và Bản đồ kèm theo).

4. Hồ sơ kèm theo: có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: theo chức năng, nhiệm vụ cập nhật số liệu diện tích, ranh giới, hiện trạng rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này trong hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai, lâm nghiệp theo quy định; kiểm tra, giám sát chặt chẽ diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan, không để lợi dụng việc chuyển mục đích để phá rừng, lấn chiếm đất rừng; hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định và huyện Văn Lãng lập hồ sơ thủ tục khai thác tận dụng lâm sản (nếu có) theo quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lệ, đầy đủ, đúng đắn, chính xác của hồ sơ, số liệu, nội dung trình phê duyệt tại quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất đảm bảo theo quy định pháp luật đất đai.

3. Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện: Tràng Định, Văn Lãng lập hồ sơ thu hồi, xử lý tài sản Nhà nước (nếu có) đảm bảo theo quy định.

4. UBND các huyện: Tràng Định, Văn Lãng:

- Theo chức năng, thẩm quyền thực hiện cập nhật số liệu diện tích, ranh giới, hiện trạng rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này trong hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai, lâm nghiệp theo quy định.

- Căn cứ vào thực tế hiện trạng rừng và chất lượng rừng trong ranh giới dự án xây dựng Phương án thu hồi tài sản Nhà nước nằm trong ranh giới chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ thủ tục, hướng dẫn lập hồ sơ thủ tục khai thác tận dụng lâm sản (nếu có) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Trong quá trình giải phóng mặt bằng để thi công Dự án, có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan cấp huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đơn vị thi công, không để xảy tình trạng lợi dụng việc triển khai thực hiện Dự án để phá rừng và khai thác lâm sản trái phép.

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng:

- Căn cứ diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng vị trí, ranh giới và diện tích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với các địa phương lập hồ sơ thủ tục khai thác tận dụng lâm sản (nếu có) trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình liên quan đến diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh